

KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ DVMTR

5/2020

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều 62, Luật LN
 - đảm bảo **công khai, dân chủ, khách quan, công bằng**
- Điều 72, Nghị định 156
 - **Kiểm tra, giám sát** việc quản lý, sử dụng tiền DVMTR
 - Công khai tài chính
 - **Quy chế dân chủ** tại CS

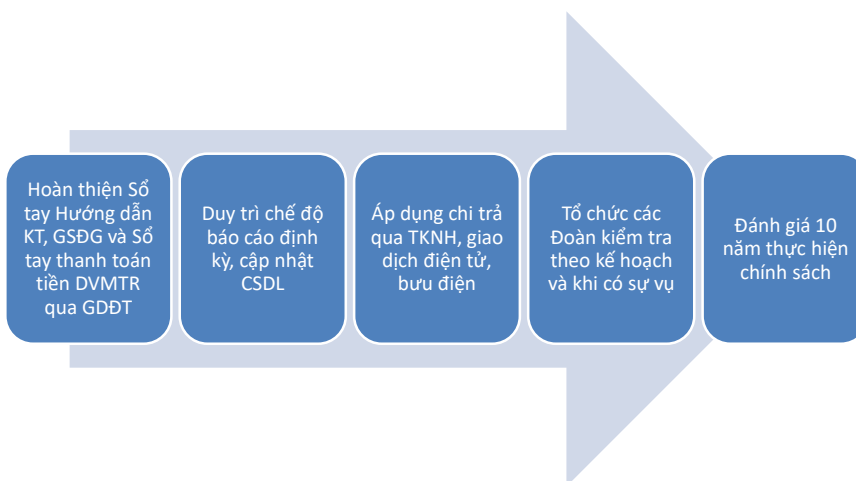
HIỆN NAY

Nội dung: Thu, chi tiền DVMTR, ký kết HĐ, QLVR, chi trả qua tài khoản và trồng rừng thay thế

Hình thức: báo cáo bằng văn bản định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) và đột xuất; cập nhật CSDL trực tuyến; tổ chức Đoàn KTGS (nội nghiệp & ngoại nghiệp)

Ngoài ra: Kiểm toán độc lập hàng năm; Tổ chức đánh giá độc lập việc thực hiện chính sách (3, năm, 5 năm, 8 năm); và Áp dụng trả tiền DVMTR qua giao dịch điện tử

THỜI GIAN TỚI



NỘI DUNG SỔ TAY KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

PHẦN 1: KIỂM TRA
PHẦN 2: GIÁM SÁT & ĐÁNH GIÁ

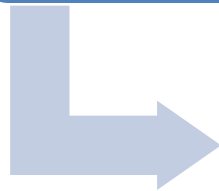
PHẦN 1: KIỂM TRA

CÁC BƯỚC KIỂM TRA

- Bước 1. Thông báo kế hoạch kiểm tra
 - Quỹ TW, Quỹ tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra
 - Lập kế hoạch kiểm tra chi tiết (*mẫu số 1a Phụ lục 5*)
 - Thông báo kết hoạch kiểm tra bằng văn bản
- Bước 2. Kiểm tra
 - Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tiền DVMTR Quỹ BV&PTR cấp tỉnh, các bên liên quan; kiểm tra việc nộp tiền của bên sử dụng DVMTR...
 - Kiểm tra nội nghiệp
 - Kiểm tra ngoại nghiệp
- Bước 3. Lập biên bản kết quả kiểm tra
 - Kết thúc cuộc kiểm tra, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra
- Bước 4. Báo cáo, đề xuất xử lý
 - Lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra và đề xuất kiến nghị xử lý những tổng tại hạn chế đối với đơn vị được kiểm tra

CÁCH THỨC KIỂM TRA

Phương pháp: Đối chiếu/ so sánh giữa thực tế triển khai và quy định (Luật, Nghị định)



Kết luận: Đúng hoặc sai

NỘI DUNG KIỂM TRA

Tập trung vào quản lý, sử dụng tiền DVMTR theo khoản 4 điều 63 Luật lâm nghiệp

- Kiểm tra số tiền thu được từ DVMTR;
- Kiểm tra mức chi trả DVMTR;
- Kiểm tra hình thức chi trả DVMTR;
- Kiểm tra kế hoạch thu, chi DVMTR;
- Kiểm tra quản lý sử dụng tiền DVMTR;
- Kiểm tra trường hợp được miễn giảm nộp tiền DVMTR;
- Kiểm tra hoạt động tổ chức chi trả DVMTR;
- Kiểm tra hoạt động kiểm tra, GS quản lý sử dụng tiền DVMTR;

1) Kiểm tra số tiền thu được từ DVMTR

Nội dung kiểm tra	Phương pháp kiểm tra	Bằng chứng
Kiểm tra số tiền thu được từ DVMTR của Hệ thống quỹ	Đối chiếu, so sánh	
Số tiền thu từ cơ sở sản xuất thủy điện trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng điện thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (kwh) nhân với mức chi trả DVMTR tính trên 1kwh (36 đồng/kwh) đúng hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch nộp tiền DVMTR hàng năm hoặc bản kê nộp tiền DVMTR
Số tiền thu từ cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng nước thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (m ³) nhân với mức chi trả DVMTR tính trên 1 m ³ nước (52 đồng/m ³) đúng hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch nộp tiền DVMTR hàng năm hoặc bản kê nộp tiền DVMTR
Số tiền thu từ cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng khối lượng nước (m ³) do cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhân với mức chi trả DVMTR tính trên 1 m ³ nước (50 đồng/m ³) đúng hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch nộp tiền DVMTR hàng năm hoặc bản kê nộp tiền DVMTR
Số tiền thực thu được từ DVMTR có phù hợp với kế hoạch nộp tiền DVMTR đăng ký kế hoạch không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có nộp tiền DVMTR không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR hoặc hợp đồng Chi Trả DVMTR
Cơ sở nuôi trồng thủy sản có nộp tiền DVMTR không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR hoặc hợp đồng Chi Trả DVMTR

2) Kiểm tra mức chi trả DVMTR

Kiểm tra mức chi trả DVMTR	Đối chiếu, so sánh	
Mức chi trả DVMTR Cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/kwh điện thương phẩm?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Mức chi trả tiền DVMTR đối với cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch là 52 đồng/m ³ nước thương phẩm?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Mức chi trả tiền DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước là 50 đồng/m ³ ?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Mức chi trả tiền DVMTR của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tối thiểu bằng 1 % trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR và bản chụp báo cáo doanh thu
Mức chi trả tiền DVMTR của doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản hoặc doanh nghiệp liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR và bản chụp báo cáo doanh thu

3) Kiểm tra hình thức chi trả DVMTR

Kiểm tra quản lý sử dụng tiền DVMT theo hình thức trực tiếp	Đối chiếu, so sánh	
Các hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo và các dịch vụ liên quan khác phục vụ khách du lịch trong phạm vi khu rừng cung ứng DVMTR của chủ rừng có thực hiện chi trả trực tiếp hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản hoặc doanh nghiệp liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản có thực hiện chi trả trực tiếp hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Bên cung ứng DVMTR ký hợp đồng với bên sử dụng DVMTR, trong đó xác định loại dịch vụ, mức chi trả, thời gian chi trả, phương thức chi trả hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Mức chi trả theo hình thức trực tiếp không thấp hơn mức chi trả được quy định tại Điều 59 của Nghị định 156/2018?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Bên sử dụng DVMTR trả tiền cho bên cung ứng DVMTR từ ngày có hoạt động sử dụng DVMTR theo hợp đồng chi trả DVMTR hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR

4) Kiểm tra quản lý sử dụng tiền DVMTR

Tình hình ký hợp đồng chi trả DVMTR		
Bên sử dụng DVMTR ký hợp đồng ủy thác với Quỹ BV&PTR Việt Nam đối với diện tích cung ứng DVMTR trong lưu vực nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Bên sử dụng DVMTR ký hợp đồng ủy thác với Quỹ BV&PTR cấp tỉnh đối với diện tích cung ứng DVMTR trong lưu vực nằm trên địa giới hành chính của một tỉnh?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Hợp đồng chi trả DVMTR
Tình hình thực hiện hợp đồng chi trả DVMTR		
Bên sử dụng DVMTR gửi kế hoạch nộp tiền DVMTR năm sau về Quỹ BV&PTR đúng thời gian quy định hay không? (trước ngày 15 tháng 10 hàng năm)	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kế hoạch nộp tiền DVMTR
Bên sử dụng DVMTR lập bản kê nộp tiền DVMTR đúng thời gian quy định hay không? (chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý)	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Bên sử dụng DVMTR nộp tiền đúng thời gian quy định hay không? (thời gian nộp tiền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý I, II, III; 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý IV)	Đúng hoặc sai	Bản chụp bản kê nộp tiền DVMTR
Bên sử dụng DVMTR tổng hợp nộp tiền DVMTR gửi Quỹ BV&PTR có đúng thời gian quy định? (chậm nhất 50 ngày kể từ ngày kết thúc năm).	Đúng hoặc sai	Bản chụp tổng hợp nộp tiền DVMTR

4) Kiểm tra quản lý sử dụng tiền DVMTR

Tình hình Sử dụng tiền DVMTR Quỹ tỉnh		
Kinh phí quản lý được trích đúng quy định hay không? (tối đa 10% tổng số tiền DVMTR thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ)	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch thu chi tiền DVMTR
Chi thường xuyên có thực hiện theo Điểm a, Khoản 2, điều 70 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp dự toán chi quản lý của Quỹ BV&PTR tỉnh
Chi không thường xuyên có thực hiện theo Điểm a, Khoản 2, điều 70 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp dự toán chi quản lý của Quỹ BV&PTR tỉnh
Nội dung chi, mức chi của Quỹ tỉnh có thực hiện theo Điểm b, Khoản 2, điều 70 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp dự toán chi quản lý của Quỹ BV&PTR tỉnh
Kinh phí dự phòng trích đúng quy định hay không? (được trích tối đa 5% tổng số tiền DVMTR thực thu trong năm)	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch thu chi tiền DVMTR

4) Kiểm tra quản lý sử dụng tiền DVMTR

Tình hình Sử dụng tiền DVMTR chủ rừng		
Chủ rừng là tổ chức trích kinh phí để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng DVMTR đúng quy định hay không? (được trích 10% tổng số tiền DVMTR chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ)	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch thu chi tiền DVMTR
Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chi tiền DVMTR đúng theo quy định hay không? (theo Khoản 4, điều 70 ND 156/2018)	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch thu chi tiền DVMTR
Tạm ứng tiền DVMTR cho bên cung ứng DVMTR theo đúng Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Quyết định tạm ứng và biên lai nhận tiền
Quý BV&PTR cấp tỉnh hoặc đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ chi trả thực hiện thanh toán tiền cho bên cung ứng DVMTR đúng thời gian theo quy định hay không? (trước ngày 01 tháng 6 năm sau)	Đúng hoặc sai	Bản chụp Sao kê ngân hàng, bưu điện, giao dịch điện tử, danh sách ký nhận tiền chi trả DVMTR
Đối với bên cung ứng DVMTR là tổ chức, việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện qua tài khoản ngân hàng hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp Sao kê ngân hàng, bưu điện, giao dịch điện tử chi trả DVMTR

5) Kiểm tra kế hoạch thu-chi tiền DVMTR

Quý BV&PTR cấp tỉnh thực hiện Tổng hợp kế hoạch nộp tiền DVMTR của các bên sử dụng DVMTR theo quy định?	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch nộp tiền
Quý BV&PTR cấp tỉnh có thực hiện việc Lập kế hoạch thu, chi; dự toán chi quản lý đúng thời gian quy định hay không? (Vào Quý IV hằng năm; báo cáo Hội đồng đồng quản lý Quý thông qua, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định)	Đúng hoặc sai	Bản chụp kế hoạch thu chi
Quý BV&PTR cấp tỉnh có thực hiện việc Thông báo kế hoạch thu, chi đến chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp thông báo kế hoạch thu chi

6) Kiểm tra trường hợp miễn, giảm tiền DVMTR

Các trường hợp miễn giảm tiền DVMTR có đúng theo quy định tại điều 73 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp hồ sơ miễn nộp tiền DVMTR
Miễn tiền DVMTR có đúng theo quy định tại khoản 1 điều 74 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp hồ sơ miễn nộp tiền DVMTR
Giảm tiền DVMTR có đúng theo quy định tại khoản 2 điều 74 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp hồ sơ miễn nộp tiền DVMTR
Hồ sơ và trình tự miễn, giảm tiền DVMTR có đúng theo quy định tại điều 75 ND 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp hồ sơ miễn nộp tiền DVMTR

7) Kiểm tra hoạt động tổ chức chi-trả tiền DVMTR

Trước ngày 15 tháng 4 hằng năm, Quý BV&PTR cấp tỉnh thông báo cho bên cung ứng DVMTR số tiền chi trả DVMTR không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp thông báo tiền DVMTR
Chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng có xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán trước ngày 01 tháng 6 hằng năm không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp danh sách nhận tiền hoặc sao kê ngân hàng
Tiền chi trả DVMTR được xác định theo quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định 156/2018 hay không?	Đúng hoặc sai	Bản chụp thông báo tiền DVMTR

8) Kiểm tra việc công khai tài chính

<p>Số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả hàng quý, hàng năm được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại nơi họp cộng đồng dân cư, bản hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi; thông báo bằng văn bản hệ thống truyền thanh của xã, thôn, bản hoặc công bố trong hội nghị nhân dân của xã, thôn, bản hay không?</p>	<p>Đúng hoặc sai</p>	<p>Bản chụp minh chứng các nơi niêm yết công khai</p>
--	----------------------	---

PHẦN 2. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

CÁC BƯỚC GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

- Bước 1. Chuẩn bị
 - Xác định các vấn đề cần GSDG theo bộ chỉ số GSDG.
 - Lựa chọn đơn vị GSDG
 - Thành lập đoàn GSDG
 - Xây dựng kế hoạch GSDG
 - Thông báo kế hoạch GSDG cho đơn vị được GSDG bằng văn bản.
- Bước 2. Triển khai
 - GSDG dựa vào bộ chỉ số GSDG. Ngoài ra tùy theo sự việc phát sinh, hoạt động GSDG sẽ không tuân theo toàn bộ các chỉ số trong bộ chỉ số GSDG
 - Tổng hợp kết quả GSDG, trao đổi và thống nhất kết quả hoạt động GSDG với đơn vị được GSDG
- Bước 3. Thông báo kết quả
 - Đoàn GSDG lập Biên bản GSDG,
 - Lập báo cáo tổng hợp
- Bước 4. Kết luận, phương án thực hiện kết luận
 - Kết luận GSDG
 - Thống nhất phương án thực hiện kết luận
- Bước 5. Giám sát thực hiện kết luận
 - Xử lý các vấn đề còn có ý kiến khác nhau về kết quả GSDG
 - Theo dõi, GS, tình hình thực hiện các kiến nghị, kết luận
 - Đơn vị được GSDG gửi Báo cáo giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế

NỘI DUNG GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

- (1) Tình hình ký kết hợp đồng và thu nộp tiền DVMTR, giải ngân tiền DVMTR;
- (2) Tình hình ban hành các văn bản, hướng dẫn, công tác chỉ đạo điều hành, tuyên truyền, phổ biến chính sách;
- (3) Sự tham gia cung ứng DVMTR của các bên liên quan, tình hình cải thiện sinh kế của người dân, các hoạt động tăng cường năng lực; và
- (4) Hiện trạng rừng. Các nội dung GSDG được cụ thể hóa qua chỉ số GSDG.

BỘ CHỈ SỐ GSDG

Gồm 28 chỉ số

- Tên chỉ số
- Giải thích chỉ số
- Chỉ tiêu cần xác định
- Biểu mẫu đính kèm
- Tần suất thu thập
- Cấp thực hiện GSDG
- Nguồn số liệu
- Bộ phận chịu trách nhiệm

BỘ CHỈ SỐ GSDG

- Kinh tế		
+ Tình hình ký kết hợp đồng và thu nộp tiền DVMTR		
Chỉ số 1	Tổng số tiền thu nộp tiền từ các đơn vị sử dụng DVMTR	
Chỉ số 2	Tỷ lệ tiền thu từ DVMTR so với ngân sách lâm nghiệp hàng năm	
Chỉ số 3	Số lượng đơn vị sử dụng DVMTR nộp tiền chi trả DVMTR	
+ Giải ngân tiền DVMTR		
Chỉ số 4	Tổng số tiền được chi trả cho chủ rừng là HGĐ, CN, CĐ dân cư, UBND xã và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng	
Chỉ số 5	Tỷ lệ kinh phí từ DVMTR mà chủ nhận được với tổng ngân sách cho hoạt động của chủ rừng là tổ chức nhà nước	
Chỉ số 6	Tỷ lệ chi trả tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng	
- Thể chế chính sách và chỉ đạo điều hành		
+ Tham mưu ban hành các văn bản, hướng dẫn		
Chỉ số 7	Số lượng văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành liên quan đến chi trả DVMTR, công tác quản lý BV&PTR được ban hành	

BỘ CHỈ SỐ GSDG

+ Công tác chỉ đạo điều hành	
Chỉ số 8	Tỷ lệ số lần thực hiện kiểm tra, GS của Quý, đơn vị chủ rừng so với kế hoạch của Quý, đơn vị chủ rừng trong năm
Chỉ số 9	Tỷ lệ diện tích chi trả được GS trực tiếp bởi Quý
Chỉ số 10	Tỷ lệ tiền khoán BVR chi trả DVMTR từ chủ rừng là tổ chức
Chỉ số 11	Số hộ khoán BVR được nhận tiền DVMTR đúng, đủ, kịp thời
Chỉ số 12	Tỷ lệ khiếu nại được giải quyết
+ Tuyên truyền, phổ biến chính sách	
Chỉ số 13	Số lượng các hoạt động truyền thông về công tác BVR và DVMTR được thực hiện
Chỉ số 14	Tỷ lệ người dân hiểu biết về chính sách chi trả DVMTR
Chỉ số 15	Số lượng các vụ vi phạm lâm nghiệp

BỘ CHỈ SỐ GSDG

+ Đóng góp chính sách chi trả DVMTR với CD	
Chỉ số 16	Số tiền và số lượng các công trình, trang thiết bị và hoạt động phúc lợi CD được xây dựng từ tiền DVMTR
Chỉ số 17	Tỷ lệ số tiền DVMTR trong tổng số chi phí xây dựng nông thôn mới
+ Tình hình cải thiện sinh kế của người dân	
Chỉ số 18	Số HGD nhận khoán BVR
Chỉ số 19	Tỷ lệ số hộ được nhận tiền DVMTR đi tuần tra BVR so với những tổng số hộ dân trên địa bàn
Chỉ số 20	Số tiền nhận được trung bình trên một ngày công tuần tra bảo vệ rừng chi trả DVMTR
Chỉ số 21	Tổng số HGD, CN được nhận tiền chi trả DVMTR
Chỉ số 22	Số hộ dân tộc thiểu số được nhận tiền chi trả DVMTR
Chỉ số 23	Số hộ nghèo được nhận tiền chi trả DVMTR
Chỉ số 24	Số lượng hộ nhận khoán BVR thoát nghèo hàng năm
+ Các hoạt động tăng cường năng lực	
Chỉ số 25	Số lượt người được đào tạo tập huấn về công tác bảo vệ rừng và chi trả DVMTR
- Môi trường	
+ Hiện trạng rừng	
Chỉ số 26	Tổng diện tích rừng và diện tích rừng được chi trả DVMTR
Chỉ số 27	Diện tích rừng bị mất hàng năm trong khu vực chi trả DVMTR
Chỉ số 28	Tỷ lệ chi trả theo hệ số K

TRÂN TRỌNG